CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Gỗ An Cường

Ngày 31/03/2025	38,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.8%	**-8.0%**	**-5.6%**

DT thuần
Q1/25
802
tỷ VNĐ
QoQ: ▼414| -34.0%
YoY: ▲ 107| 15.4%

LN thuần
Q1/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90| 9.5%
YoY: ▲ 9.60| 9.2%

LN sau thuế
Q1/25
85.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10| -5.7%
YoY: ▲ 3.60| 4.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
14.3%
YoY: +/-▲ 5.7%

ROE (TTM)
Q1/25
10.0%
YoY: +/-▼ 0.1%

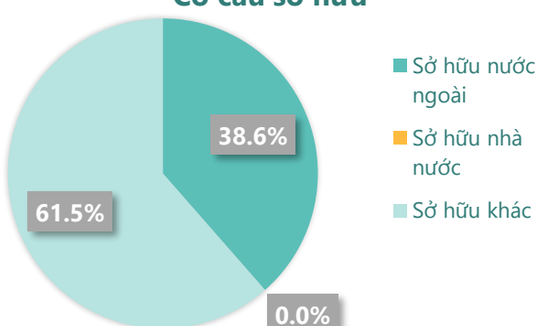
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,366 - 49,986
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,858
Số lượng CPLH (CP)	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,025
Sở hữu nước ngoài	38.6%
Beta	0.16
EPS	2,810
P/E	13.8

DT thuần
2024
3,981
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 219| 5.8%

LN thuần
2024
575
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0| 8.7%

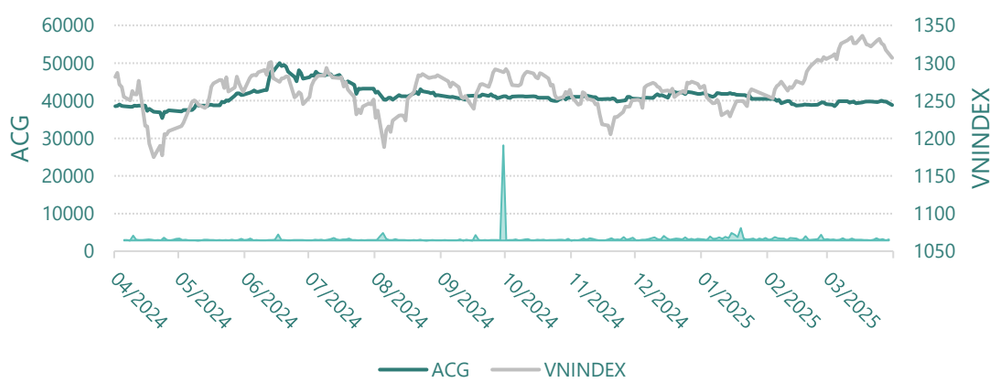
LN sau thuế
2024
420
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -3.8%

Cơ cấu sở hữu

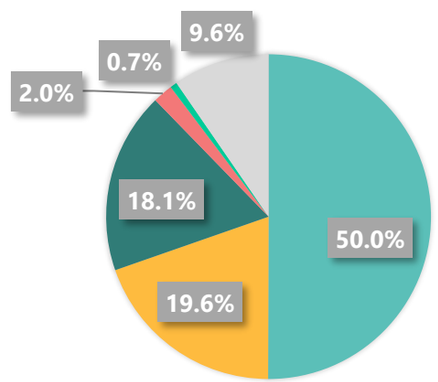


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



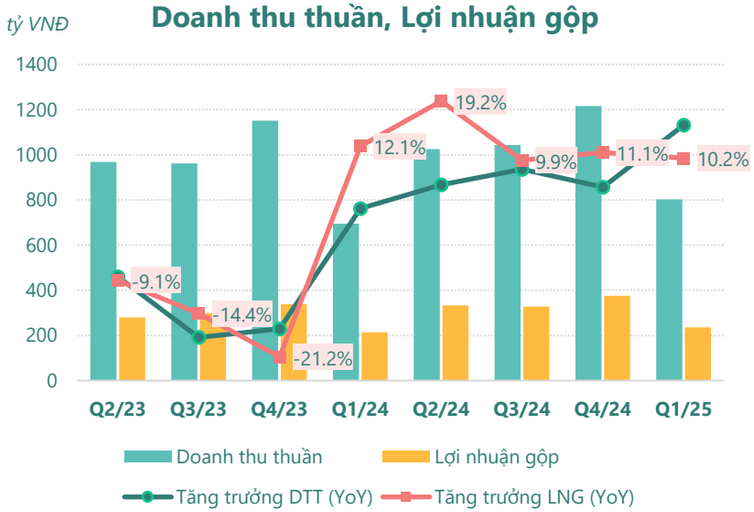
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

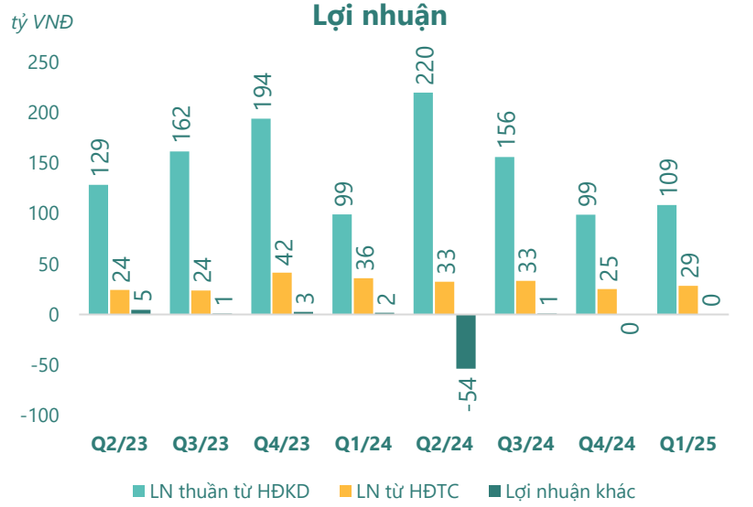
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



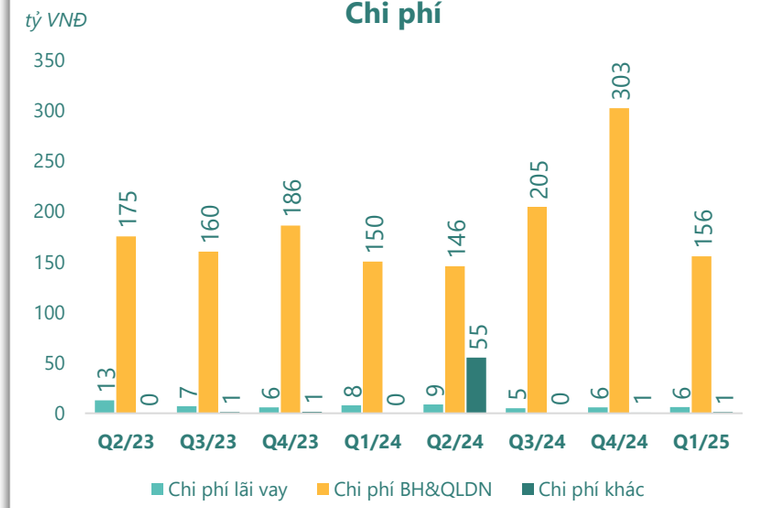
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



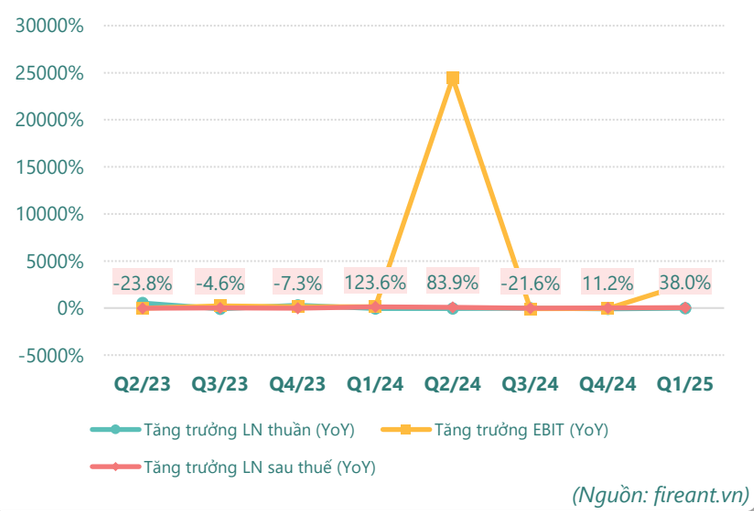
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



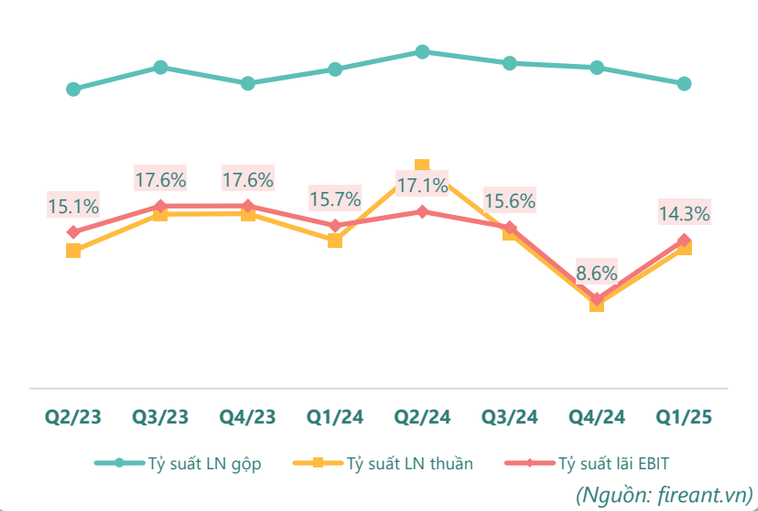
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



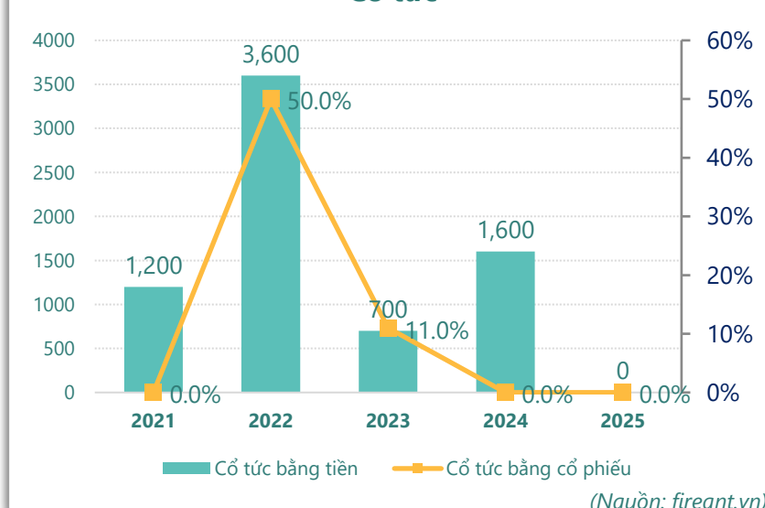
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

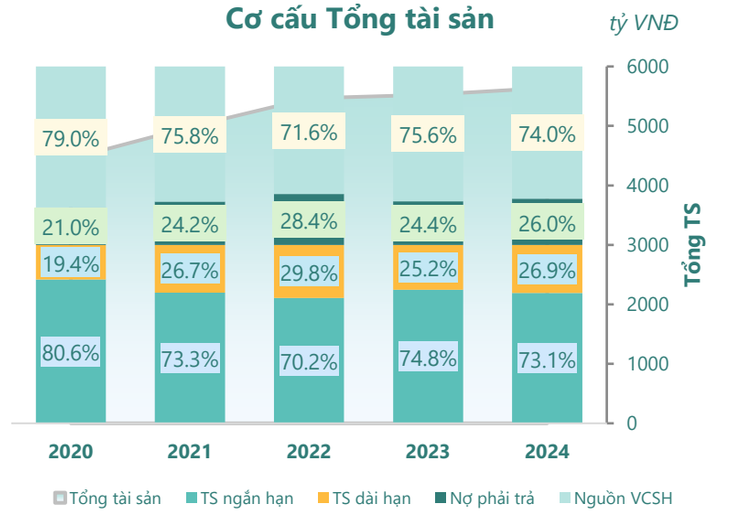
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

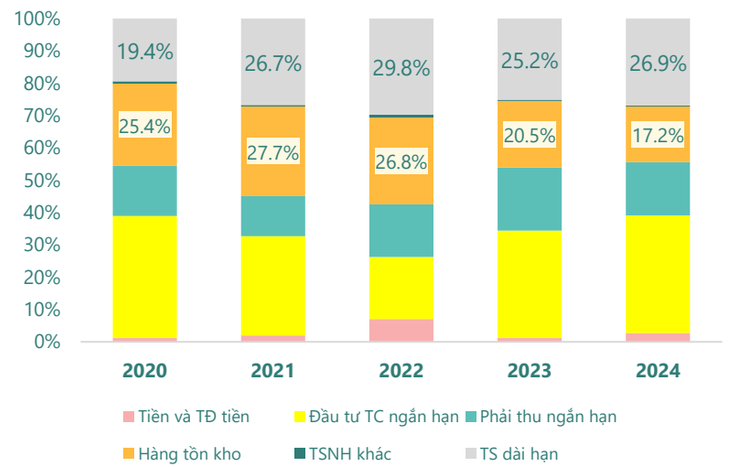
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



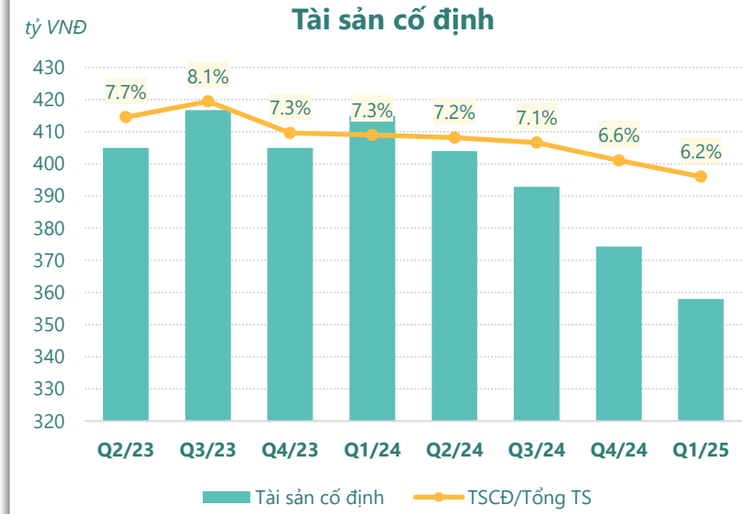
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



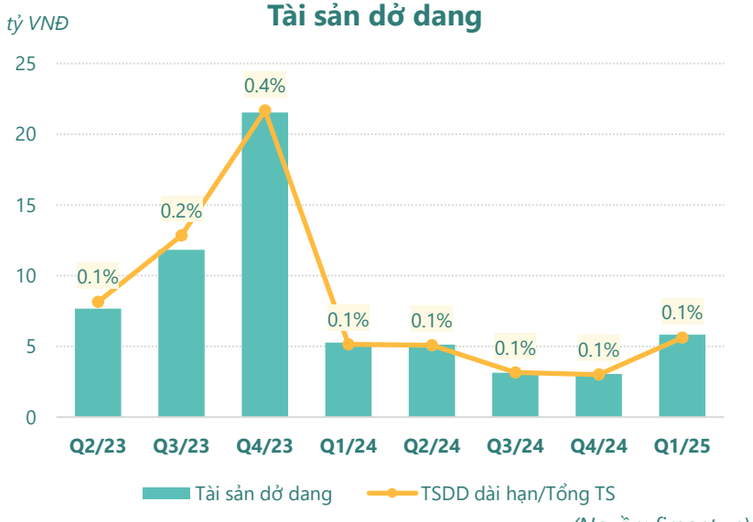
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



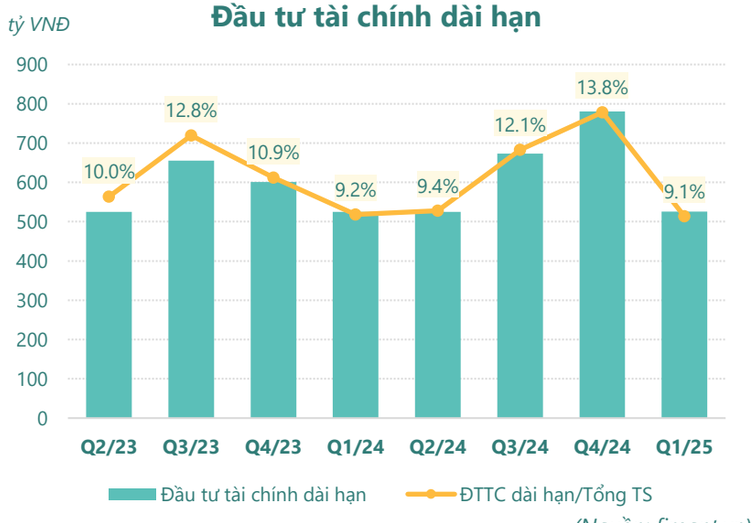
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



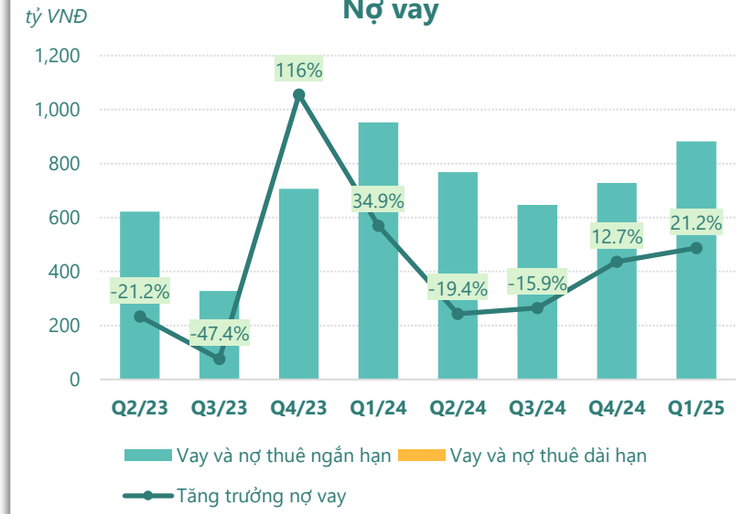
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

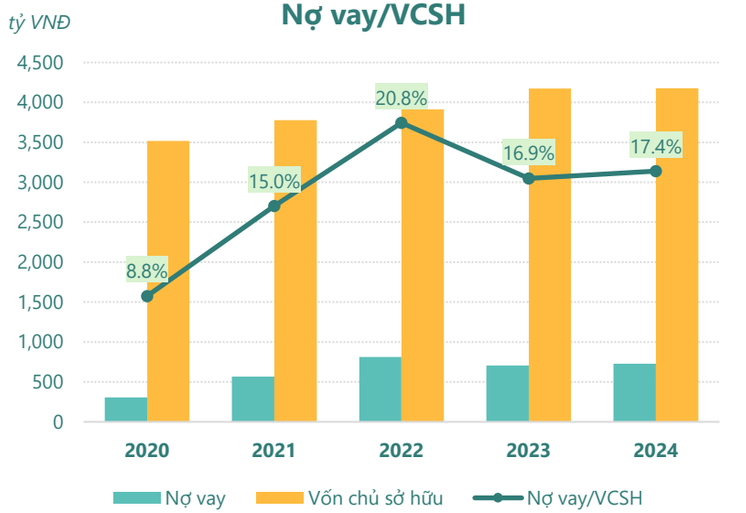
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

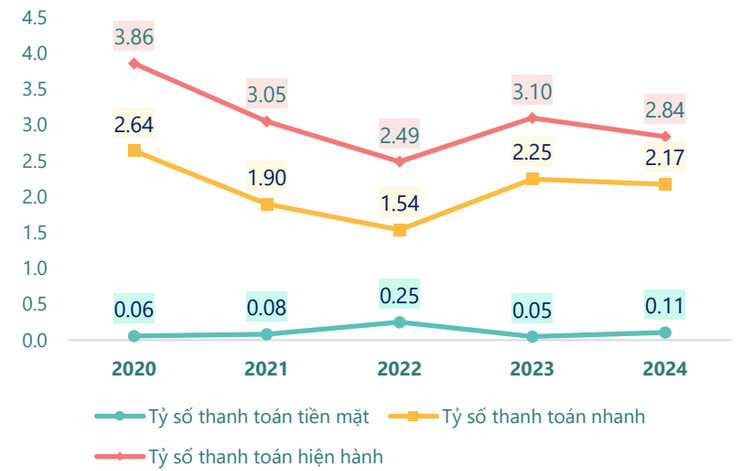
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



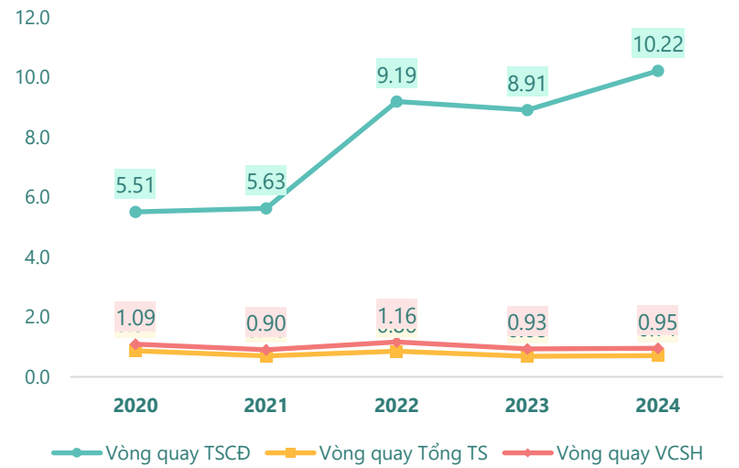
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



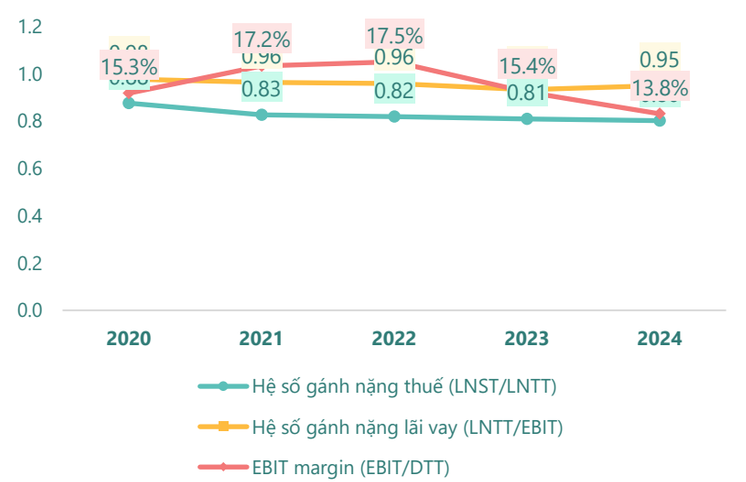
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



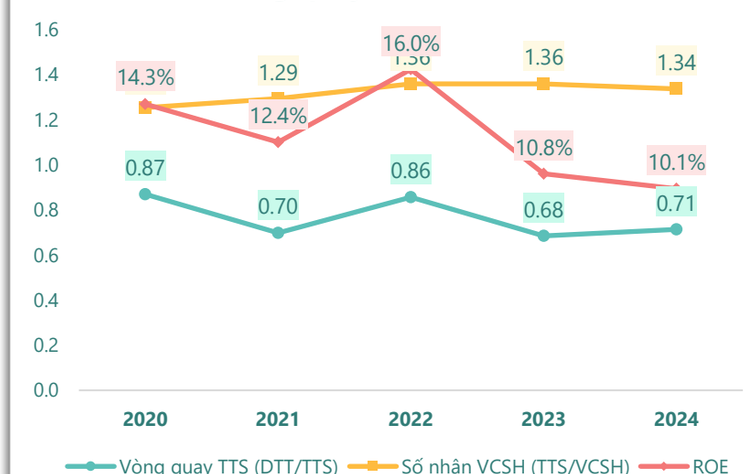
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



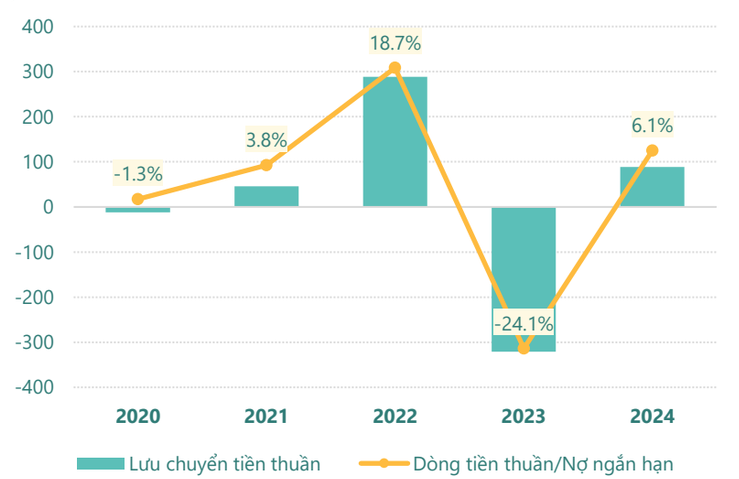
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**802**	**695**	**15.4%**	**3,981**	**3,762**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	566	481	17.7%	2,730	2,655	2.8%
Lợi nhuận gộp	236	214	10.2%	1,251	1,108	13.0%
Doanh thu HĐTC	37.8	45.7	-17.3%	163	160	2.4%
Chi phí TC	9.28	9.79	-5.2%	36.2	45.3	-20.2%
Chi phí lãi vay	6.17	8.02	-23.0%	27.6	38.8	-29.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.25**	**1.85**	**-86.6%**
Chi phí bán hàng	118	112	5.8%	494	522	-5.4%
Chi phí QLDN	**37.2**	**38.9**	**-4.3%**	**310**	**172**	**80.0%**
LN thuần từ HĐKD	109	99.4	9.2%	575	529	8.7%
Lợi nhuận khác	**0.29**	**1.84**	**-84.3%**	**-51.0**	**11.3**	**-553%**
LN trước thuế	109	101	7.7%	524	540	-3.0%
Lợi nhuận sau thuế	**85.0**	**81.4**	**4.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**85.0**	**81.4**	**4.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	267	-57.5	36.5	243	411	-195
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-567	-225	259	-69.0	-290	45.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	274	247	-185	-242	-38.7	154
Tiền đầu kỳ	92.9	66.9	31.2	142	73.7	155
Lưu chuyển tiền thuần	**-26.2**	**-35.6**	**111**	**-68.4**	**81.8**	**4.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	0.00	-0.02	0.21	-0.17	-0.04
Tiền cuối kỳ	66.9	31.2	142	73.7	155	160

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,755**	**5,640**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	4,505	4,120	9.3%
Tiền và tương đương tiền	160	155	2.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,274	2,048	11.0%
Phải thu ngắn hạn	908	932	-2.5%
Hàng tồn kho	1,119	968	15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	43.7	16.7	162%
Tài sản dài hạn	**1,251**	**1,520**	**-17.7%**
Phải thu dài hạn	143	146	-1.9%
Tài sản cố định	358	374	-4.3%
Bất động sản đầu tư	4.17	0	
Tài sản dở dang	5.83	3.05	91.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	525	780	-32.7%
Tài sản dài hạn khác	**214**	**217**	**-1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,494	1,464	2.1%
Nợ ngắn hạn	**1,481**	**1,451**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	882	728	21.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	327	318	2.6%
Nợ dài hạn	13.5	12.8	5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,261**	**4,176**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**4,261**	**4,176**	**2.0%**
Vốn điều lệ	1,508	1,508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)